



PHỤ LỤC
ATTACHMENT

(kèm theo Quyết định số: 2367/QĐ-VACI ngày 01 tháng 10 năm 2024
của Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam)

Tổ chức giám định: CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC KỸ THUẬT AIPAS VIỆT NAM

Inspection body: AIPAS VIETNAM SCIENCE AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Chuẩn mực công nhận: ISO/IEC 17020:2012 – Đánh giá sự phù hợp – Yêu cầu đối với hoạt động của tổ chức tiến hành giám định.

Accreditation standards: ISO/IEC 17020:2012 – Conformity assessment – Requirements for the operation of various types of bodies performing inspection.

Người phụ trách/
Representative Lê Hoàng Nhật Minh

Loại hình tổ chức giám
định/ Type of Inspection Loại A/ Type A

Người có thẩm quyền ký/ Approved signatory:

TT No.	Họ và tên Full name	Phạm vi được ký (Các loại chứng thư) Scope of approved signatory (Types of certificates)
1.	Lê Hoàng Nhật Linh	Tất cả các chứng thư đối với lĩnh vực được công nhận All inspection certificates for the accredited field
2.	Nguyễn Sỹ Tùng	Tất cả các chứng thư đối với lĩnh vực được công nhận All inspection certificates for the accredited field

Mã công nhận/ Code: VAAS 026

Hiệu lực công nhận/ Period of Validation: 30/09/2029

Địa chỉ trụ sở chính/ Headquarter:

Số 17, ngõ 214 Nguyễn Xiển, phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam
No.17, Lane 214, Nguyen Xien Street, Ha Dinh Ward, Thanh Xuan District, Hanoi, Vietnam

Địa điểm được công nhận/ Accredited Locations:

Số 17, ngõ 214 Nguyễn Xiển, phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam
No.17, Lane 214, Nguyen Xien Street, Ha Dinh Ward, Thanh Xuan District, Hanoi, Vietnam

Điện thoại/ Tel: 0965.598.956

Email: aipas@aipas.com.vn

Website: aipas.com.vn

PHẠM VI ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ Scope of Accreditation:

STT/ No.	Loại hình giám định/ Inspection category	Lĩnh vực giám định/ Inspection Field (and sub-fields)	Phạm vi, nội dung giám định/ Range, content of Inspection	Giai đoạn giám định/ Stage of inspection	Yêu cầu, Phương pháp giám định/ Inspection requirements, Inspection methods
1.		Máy và thiết bị công nghiệp/ Industrial Machinery: - Máy, thiết bị và dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng/ Second hand machines, equipment and technological lines	- Giám định các chỉ tiêu theo Quyết định 18/2019/QĐ-TTg/ Inspection of indicators according to Decision 18/2019/QĐ-TTg + Điều 5: Đối với dây chuyền công nghệ/ Clause 5: For technology lines + Điều 6: Đối với máy và thiết bị đã qua sử dụng/ Clause 6: For second hand machinery and equipment	- Kiểm tra khi nhập khẩu/ Check when importing - Giám định thông quan/ Inspection for customs clearance - Giám định mua bán nội địa/ Domestic purchase and sale inspection - Giám định trước và sau khi lắp đặt/ Inspection before and after installation	QT.10 PP.GĐ.06
2.	Giám định sản phẩm/ Products inspection	Vật liệu kim loại/ Metal material: - Thép và các sản phẩm thép / Steel and steel products	- Giám định chất lượng sản phẩm/ Quality inspection: + Giám định chất lượng theo Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BCT- BKHCN ngày 31/12/2025 và các sửa đổi theo Thông tư 18/2017/TT-BCT ngày 21 tháng 9 năm 2017/ Quality inspection according to Joint Circular No. 58/2015/TTLT-BCT- BKHCN dated December 31, 2025 and amendments according to Circular 18/2017/TT- BCT dated September 21, 2017	- Kiểm tra khi nhập khẩu/ Check when importing - Giám định thông quan/ Inspection for customs clearance Giám định trước khi gia công/ Inspection before processing	QT.10 PP.GĐ.02



cm

Ghi chú/Note:

- PP.GĐ.xx: Phương pháp giám định của Tổ chức/ Organization's Inspection Methods.

DANH MỤC PHƯƠNG PHÁP/ QUY TRÌNH GIÁM ĐỊNH
LIST OF INSPECTION METHODS/ PROCEDURES

Tên phương pháp/ quy trình giám định <i>Name of inspection methods/ procedures</i>	Mã số/ <i>Code:</i>	Phiên bản/ <i>Version</i>	Ngày ban hành/ <i>Date of issue</i>
Quy trình thực hiện vụ giám định <i>Procedure for performing the inspection</i>	QT.10	01	15/01/2024
Phương pháp giám định các sản phẩm thép <i>Inspection methods for steel products</i>	PP.GĐ.02	01	15/01/2024
Phương pháp giám định máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng <i>Inspection methods for second hand machines, equipment, and technological lines</i>	PP.GĐ.06	01	15/01/2024